

THÔNG TƯ

sửa đổi một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất, Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất, Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều 1. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 09/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và dự án đầu tư có sử dụng đất

1. Bãi bỏ khoản 1 Điều 6 và sửa đổi Điều này như sau:

“1. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư và công bố danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được xác định và thực hiện như sau:

a) Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án. Đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Ban quản lý khu kinh tế tổ chức xác định, phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

b) Đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Ban Quản lý khu kinh tế (đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế) là cơ quan tổ chức đấu thầu theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trước khi công bố danh mục dự án. Đối với dự án thực hiện tại khu kinh tế, Ban quản lý khu kinh tế tổ chức xác định, phê duyệt yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư trước khi công bố danh mục dự án.

2. Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì nhà đầu tư đó nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP mà không phải xác định giá sàn nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

3. Doanh nghiệp dự án do nhà đầu tư trúng thầu thành lập để thực hiện dự án theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP được kế thừa quyền và nghĩa vụ thực hiện dự án đầu tư mà nhà đầu tư trúng thầu đã cam kết tại hồ sơ dự thầu và phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về

doanh nghiệp, đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan (nếu có).”.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 8.

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày danh mục dự án được phê duyệt (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư) hoặc kể từ ngày yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm được phê duyệt (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo pháp luật về đầu tư).”.

Điều 2. Sửa đổi một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BKHĐT ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin và lựa chọn nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Bãi bỏ cụm từ “dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa” tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 1.

2. Bãi bỏ cụm từ “hồ sơ đăng ký thực hiện dự án”, “yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm” tại Điều 10, Điều 20.

3. Bãi bỏ cụm từ “đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa”; “đơn vị được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ đánh giá đối với dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa” tại Điều 20, Điều 27.

4. Sửa đổi Điều 21 như sau:

“Điều 21. Làm rõ, sửa đổi, thay thế, rút E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA

1. Làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA:

a) Nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Làm rõ E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA theo yêu cầu của bên mời thầu, Đơn vị chuẩn bị dự án hoặc Cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận hồ sơ đề xuất dự án PPP, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý khu kinh tế đối với dự án đầu tư có sử dụng đất;

- Tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA thiếu thông tin, tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa nộp cùng hồ sơ.

b) Việc làm rõ E-HSQT, E-HSDST đối với dự án PPP, E-HSĐKTHDA đối với dự án đầu tư có sử dụng đất được thực hiện trên Hệ thống. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống.

2. Sửa đổi, thay thế, rút E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA:

a) Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA.

b) Sau thời điểm hết hạn nộp E-HSQT, E-HSDST, E-HSĐKTHDA, nhà đầu tư không được rút hồ sơ đã nộp.”.

5. Bãi bỏ khoản 3 Điều 9; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 10; điểm b khoản 1 Điều 20.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2024.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để được hướng dẫn././14

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ; Công báo;
- Lãnh đạo Bộ;
- Công TTĐT Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (T.103)

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Chí Dũng